TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/DS-ST
Ngày: 21/01/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Luy - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên toà: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 0412/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2021/QĐXXST-DS ngày 16/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**
Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 N K K N, Phường V T S, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **L T M Q**, sinh năm 1980
Cư trú: Ấp T T, xã C H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông **L Q N,** sinh năm 1978
Cư trú: 311/58 N T L, phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/05/2019, Ngân hàng TMCP A và ông L Q N giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điêu khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) trong hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, loại thẻ Visa chuẩn Classic, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 54.900.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông N phải chịu các khoản chi phí theo quy định trong điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 27.380.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- Các khoản phí và hoặc lãi trong kỳ
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngày 22/02/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu ông N trả số tiền còn nợ là 46.692.750 đồng (nợ gốc là 32.854.386 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 11/01/2021 là 13.838364 đồng), cụ thể lãi suất áp dụng là 3.9% (2.6%/tháng x 150%).

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Ông Đỉnh, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông L Q N phải trả tổng số tiền 51.903.492 đồng (nợ gốc là 32.854.386 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày 13/5/2021 là 19.049.106 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông L Q N: Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành triệu tập hợp lệ đến Tòa để làm bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên toà: Ngày 21/01/2022 đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đơn xin xét xử vắng mặt, và nêu ý kiến yêu cầu ông L Q N phải trả số tiền là

62.709.375 đồng (bao gồm: nợ gốc là 32.854.386 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày 21/01/2022 là 29.854.989 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông L Q N còn phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 22/01/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập để tham gia giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp tống đạt thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến 181 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ nên xác định thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Thẩm phán tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định tại các Điều 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, thẩm phán còn vi phạm khoản 1 Điều 196 BLTTDS tống đạt thông báo thụ lý cho các đương sự trễ hạn và thời hạn giải quyết vụ án Điều 203 BLTTDS.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa ngân hàng thương mại cổ phần A và ông L Q N là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc

tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Toà để làm bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên toà được mở lần thứ 02 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Việc bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 62.709.375 đồng (bao gồm: nợ gốc là 32.854.386 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày 21/01/2022 là 29.854.989 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn còn phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 22/01/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) ngày 20/05/2019, lời khai của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị đơn đã được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ, cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật với số tiền là 62.709.375 đồng (bao gồm: nợ gốc là 32.854.386 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày 21/01/2022 là 29.854.989 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật và bị đơn còn phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 22/01/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Đối với bị đơn: Vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Như vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

- Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- ngân hàng thương mại cổ phần A

- Ông L Q N phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 62.709.375 đồng (bao gồm: nợ gốc là 32.854.386 đồng và lãi quá hạn là 29.854.989 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông L Q N còn phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 22/01/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2. Về án phí:

Ông L Q N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.135.469 đồng.

Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.167.000 đồng theo biên lai thu số 0089371 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Việc thi hành án được thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận Bình Thạnh;
-THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà